

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

VCB, DCM

## [Cập nhật công ty]

KDH

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua với tỷ trọng nhỏ quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1065 (+-10) và xa hơn tại 1000 (+-15)

30/11/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,094.13	-0.79
VN30	1,081.70	-1.05
HĐTL VN30F1M	1,076.00	-1.47
HNXIndex	226.15	-0.39
HNX30	478.27	-0.18
UPCoM	84.99	-0.06
USD/VND	24,274	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.33	-6
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	78.18	+0.41
Vàng (LME, \$)	2,040.27	-0.19



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,094.13 (-0.79%)  
**KLGD (triệu CP)** 660.0 (+28.9%)  
**GTGD (triệu U\$)** 604.4 (+16.2%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 394.38 tỷ đồng, tập trung tại VNM (-1.46%), FUESVFL (-0.45%), MSN (-3.82%).

**HNXIndex** 226.15 (-0.39%)  
**KLGD (triệu CP)** 97.9 (+16.8%)  
**GTGD (triệu U\$)** 81.2 (+22.4%)

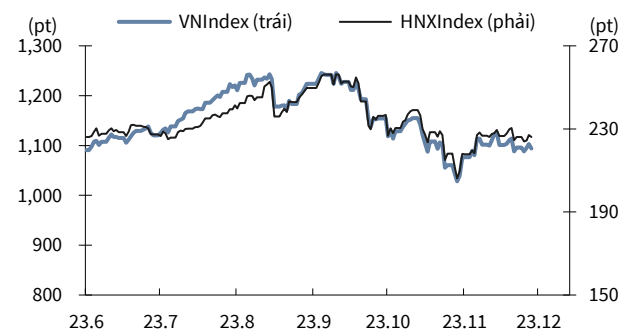
Theo ghi nhận giá heo hơi tại miền Bắc ngày hôm nay giảm 1,000 đồng/kg. Trong đó, các địa phương bao gồm Bắc Giang, Hưng Yên, Thái Nguyên và Hà Nội cùng giảm 1,000 đồng/kg về mức 49,000 đồng/kg. Cổ phiếu nhóm Chăn nuôi giảm giá ở BAF (-0.59%), HAG (-0.89%).

**UPCoM** 84.99 (-0.06%)  
**KLGD (triệu CP)** 23.4 (-16.0%)  
**GTGD (triệu U\$)** 14.1 (-1.4%)

Theo VASEP, giá đấu giá cá tuyết tươi ở Iceland đang tăng lên gần 500 ISK/kg, nhưng hạn ngạch cá tuyết chấm đen tăng 23% trong năm nay và mức tiêu thụ toàn cầu giảm đã khiến giá trị giảm. Cổ phiếu nhóm Thủy sản giảm giá ở ANV (-1.18%), VHC (-3.37%).

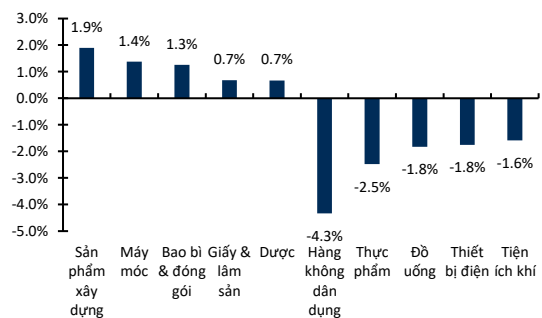
**NĐTNN mua ròng (triệu U\$)** -20.9

## VNIndex & HNXIndex



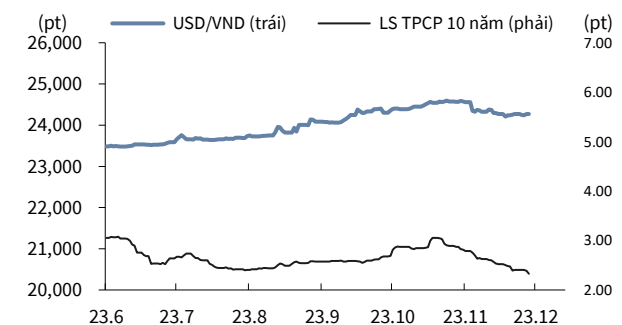
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

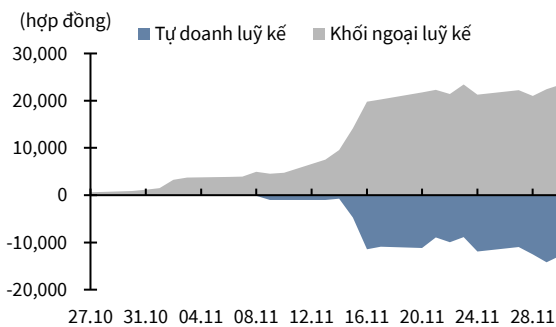
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,081.70 (-1.05%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,076.0 (-1.47%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,090.1</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,098.3</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,075.5</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>272,122 (+29.0%)</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2312 và VN30 mở cửa ở mức -2.56 điểm, sau đó biến động quanh mức -1.164 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -5.7 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

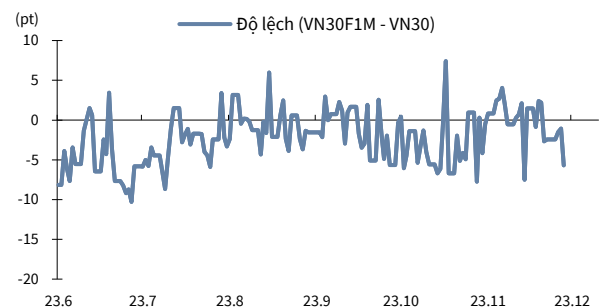
Khối ngoại mua ròng 978 HĐTL VN30F2312 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 23,403 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 1,428 hợp đồng tuy nhiên đang duy trì vị thế bán lũy kế 12,780 hợp đồng.

## Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



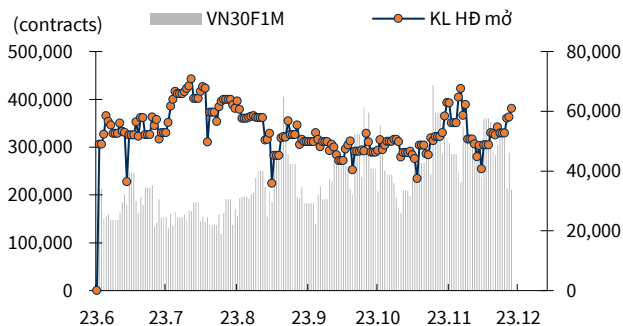
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



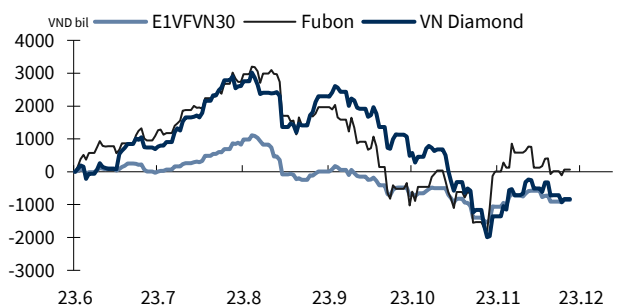
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

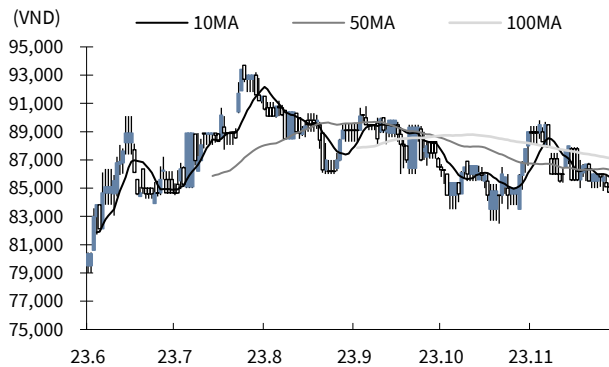
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

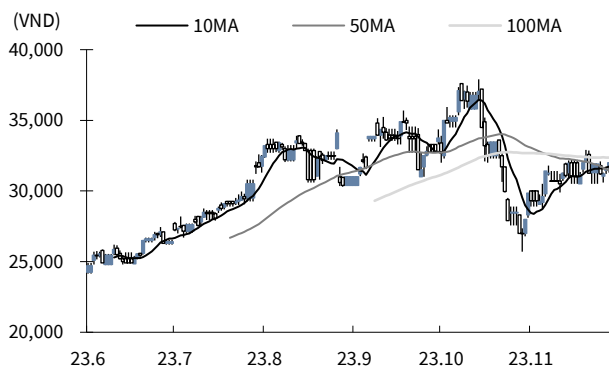
## Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCB giảm 0.47% xuống còn 84,700 VND/cp
- Ngày 30/11, ngân hàng Vietcombank tiếp tục giảm lãi suất huy động các kỳ hạn (giảm 0,2%/năm lãi suất huy động tất cả các kỳ hạn). Theo đó, tại kỳ hạn 12 tháng xuống còn 4,8%/năm, mức thấp nhất trong lịch sử ngân hàng này và thấp nhất trong nhóm Big 4 (quốc doanh).

## CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DCM tăng 1.43% lên 32,000 VND/cp
- Tại cuộc gặp gỡ nhà đầu tư do CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau tổ chức chiều 28/11, Tổng Giám đốc Đạm Cà Mau cho biết công ty đã bỏ ra khoảng 25 triệu USD để mua lại Công ty TNHH Phân bón Hàn Việt, đồng thời kỳ vọng công ty này sẽ hết lỗ vào cuối năm 2024 và có lãi từ năm 2025.

30/11/2023

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Kỳ vọng dự án The Privia đạt tỷ lệ hấp thụ tốt, đóng góp vào doanh số bán hàng của KDH trong năm 2023-2024**

**Doanh số bán hàng trong năm 2023 ước tính đạt 2,574 tỷ VND (+30%YoY), kỳ vọng doanh số từ năm 2024 tăng trưởng mạnh**

**Dự báo lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 891 tỷ VND (-19%YoY)**

**Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 36,500VND/cổ phiếu**

Cuối tháng 11/2023, Khang Điền đã mở bán chính thức dự án The Privia, nằm tại đường An Dương Vương, quận Bình Tân, Tp HCM. Dự án có diện tích 1.8ha với quy mô 3 block 1,043 căn hộ. Chúng tôi kỳ vọng dự án The Privia sẽ có tỷ lệ hấp thụ tốt nhờ (1) Thương hiệu uy tín của chủ đầu tư Khang Điền với chất lượng sản phẩm cao, bàn giao nhà đúng thời hạn và pháp lý rõ ràng và (2) Nguồn cung căn hộ trong khu vực nội đô Tp. HCM vẫn khan hiếm.

KBSV dự báo tổng giá trị bán hàng trong năm 2023 đạt 2,574 tỷ VND (+30%YoY) đến từ hai dự án Classia và The Privia.

Trong năm 2024-2025, KDH sẽ mở bán các dự án quy mô nhỏ Clarita, Emeria và The Solina. KBSV ước tính doanh số bán hàng 2024F-2025F tăng trưởng mạnh đạt 3,960 tỷ VND (+47%YoY) và 4,320 tỷ VND (+9%YoY).

KBSV ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của KDH năm 2023 đạt lần lượt là 2,638 tỷ VND (-9%YoY) và 780 tỷ VND (-29%YoY).

Giá cổ phiếu Khang Điền hiện đang giao dịch ở mức P/B 2024fw là 1.6x, tương đương -1std của trung bình P/B 5 năm của KDH. Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu KDH với mức giá mục tiêu là 36,500VND/cp, cao hơn 16% so với giá đóng cửa ngày 29/11/2023.

## MUA thay đổi

<b>Giá mục tiêu</b>	<b>36,500 VND</b>
Tăng/giảm (%)	16%
Giá hiện tại (29/11/2023)	35,500 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	38,500 VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	25.2/1.0

### Dự phóng KQKD & định giá

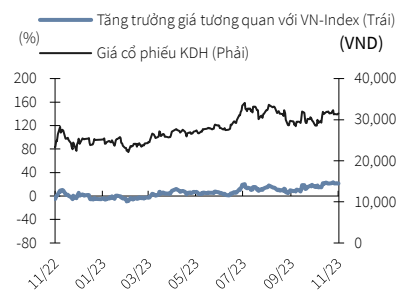
FY-end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	3,738	2,912	2,638	3,743
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,355	992	1,263	1,512
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	1,202	1,103	891	1,311
EPS (VND)	1,777	1,539	1,244	1,829
Tăng trưởng EPS (%)	-11	-13	-19	47
P/E (x)	19.45	22.45	25.37	17.25
P/B (x)	2.18	2.14	1.68	1.62
ROE (%)	13	10	6	8
Tỷ suất cổ tức (%)	0	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

<b>Dữ liệu giao dịch</b>	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	89.4%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	45.8/1.9
Sở hữu nước ngoài (%)	11.8%
Cổ đông lớn	Nhóm quỹ Dragon Capital (11%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	10	-2	17	35
Tương đối	5	6	14	28



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực tăng điểm bất thành trong phiên, VNIndex dần suy yếu và giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên.
- Việc chỉ số đóng cửa ở mức thấp nhất phiên cho thấy phe bán hoàn toàn chiếm ưu thế và để ngỏ rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong các phiên tới. Các ngưỡng hỗ trợ kế tiếp, gần là quanh 1065 (+5) và sâu hơn là 1000 (+-15) được kỳ vọng sẽ tạo điểm đỡ đáng lưu cho VNIndex.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua với tỷ trọng nhỏ quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1065 (+10) và xa hơn tại 1000 (+-15).

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1096 - 1100

Kháng cự gần: 1081 - 1084

Hỗ trợ gần: 1066 - 1068

Hỗ trợ xa: 1051 - 1055

- Sau những nỗ lực tăng điểm bất thành trong phiên, F1 dần suy yếu và giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên.
- Việc chỉ số đóng cửa ở mức thấp nhất phiên cho thấy phe bán hoàn toàn chiếm ưu thế và để ngỏ rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong các phiên tới. Các ngưỡng hỗ trợ kế tiếp, gần là quanh 1065 (+5) và sâu hơn là 1000 (+-15) được kỳ vọng sẽ tạo điểm đỡ đáng lưu cho F1.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh ngưỡng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

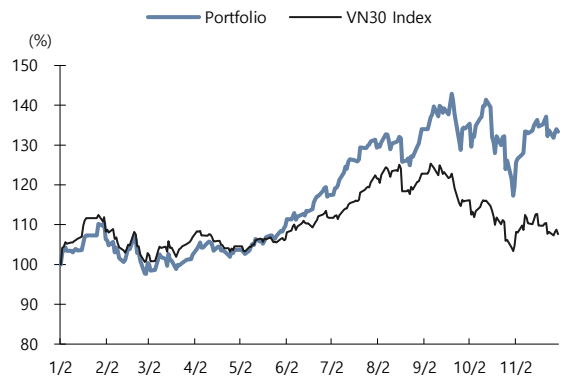
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.05%	-0.49%
Tăng lũy kế (YTD)	7.61%	33.38%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 30/11/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	31,300	-0.9%	15.3%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	11/01/2023	80,500	0.8%	11.8%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Kinh Bắc (KBC)	10/02/2023	31,100	0.3%	-3.7%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Trảng Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	14,150	-1.7%	11.9%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	21,950	-0.5%	1.6%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nhon Trach 2 (NT2)	11/01/2023	24,050	-0.2%	5.3%	- Kỳ vọng điện khí khả quan hơn từ 4Q2023 khi A0 tăng cường huy động từ cuối tháng 9 - Giá khí đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với mức trung bình 2022 - NT2 sẽ kết thúc quá trình đại tu sau 3Q2023
Hoa Sen Group (HSG)	11/01/2023	21,450	-1.4%	21.2%	- Kênh xuất khẩu hỗ trợ doanh thu - Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng cải thiện sớm nhờ đã đẩy hết lượng hàng tồn kho giá cao - Cơ cấu tài chính an toàn
Vietinbank (CTG)	11/01/2023	26,300	0.0%	7.3%	- Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt 12% trong năm 2023 - Giá chiết khấu sâu so với định giá
FPT (FPT)	11/01/2023	91,900	0.2%	7.6%	- Triển vọng tích cực được dẫn dắt bởi mảng CNTT - Mảng viễn thông và giáo dục duy trì tăng trưởng tích cực
Vinamilk (VNM)	11/01/2023	67,400	-1.5%	-4.3%	- Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện - Thị phần cải thiện nhờ chiến dịch thay đổi nhận diện thương hiệu

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	0.2%	23.2%	86.3
NKG	0.4%	13.9%	58.3
EVF	3.0%	0.4%	39.2
FRT	2.6%	36.3%	37.2
KOS	3.8%	0.1%	31.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-1.5%	54.7%	-104.1
FUESSVFL	-0.5%	94.1%	-91.2
MSN	-3.8%	28.9%	-79.9
HPG	-1.7%	25.2%	-63.4
VIC	-1.9%	12.6%	-54.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HUT	2.1%	1.7%	23.0
CEO	-1.4%	4.7%	0.5
EVS	-1.2%	0.4%	0.5
NET	-0.5%	0.9%	0.3
VIG	0.0%	0.2%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.0%	14.0%	-54.7
PVS	-1.0%	21.5%	-24.3
IDC	0.6%	1.6%	-23.5
THD	-2.0%	0.3%	-4.1
TIG	-1.0%	11.9%	-3.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	6.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Sản phẩm xây dựng	5.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	4.1%	PLX, PGC, CNG, GSP
Xây dựng và kỹ thuật	3.8%	DIG, HDG, VCG, PC1
Tiện ích điện	3.1%	PGV, NT2, PPC, TTA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-3.1%	BVH, MIG, BIC, BMI
Thực phẩm	-2.8%	VNM, MSN, KDC, VHC
Hàng không dân dụng	-2.7%	VJC, HVN
Giấy & lâm sản	-2.4%	DHC, HAP, HHP, VID
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-1.6%	AST, VNG, DSN, DAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và kỹ thuật	15.1%	DIG, HDG, VCG, PC1
Kim loại & khai thác	14.4%	HPG, HSG, NKG, KSB
Chứng khoán	11.5%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản phẩm xây dựng	9.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	8.6%	TCH, HHS, SRF, SHA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-6.4%	AST, VNG, DSN, DAH
Bao bì & đóng gói	-2.9%	TDP, SVI, MCP, TPC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-1.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tiện ích khí	-1.3%	GAS, PGD, PMG
Vật liệu xây dựng	-0.8%	HT1, PTB, GAB, ACC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	191,280 (7.9)	22.5	36.1	247.8	14.7	3.3	0.0	1.4	1.4	-1.9	1.1	3.1	-22.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	306,742 (12.6)	26.6	4.7	5.5	35.9	22.6	18.8	1.0	0.9	0.2	5.9	5.9	-14.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	116,371 (4.8)	17.8	11.7	11.4	-7.6	12.2	10.6	1.3	1.2	-4.7	-2.2	-0.5	-16.0
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	534,722 (22.0)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	1.0	1.0	-2.2	4.1	37.2	26.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	47,746 (2.0)	11.6	24.4	22.0	13.7	9.1	10.5	1.8	1.7	-1.1	-0.3	9.1	29.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	399,045 (16.4)	13.9	52.2	42.8	-	2.5	3.1	1.3	1.3	0.5	1.3	20.1	56.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	99,440 (4.1)	6.3	15.5	13.2	11.7	21.2	19.8	2.7	2.2	-0.5	-0.9	-2.4	25.0
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	33,737 (1.4)	12.7	11.2	8.9	-5.3	18.7	19.6	1.9	1.6	-1.1	1.8	8.9	13.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	112,555 (4.6)	0.0	5.7	4.8	14.3	14.9	15.3	0.8	0.7	-1.3	-3.0	6.5	14.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	83,069 (3.4)	1.4	8.2	6.9	50.3	15.6	17.3	1.1	1.0	0.0	0.6	6.1	7.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	196,656 (8.1)	0.0	11.7	8.8	18.8	9.6	11.6	1.1	1.0	-0.8	-0.3	-4.5	6.7
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	150,159 (6.2)	0.0	4.6	4.0	14.6	25.9	25.0	1.0	0.8	-0.3	-0.6	4.1	19.7
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	155,005 (6.4)	4.2	5.9	4.5	23.3	21.4	23.0	1.2	1.0	-0.3	-0.3	4.7	29.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	493,293 (20.3)	14.0	9.3	5.0	26.5	16.7	21.6	1.2	0.9	-1.1	-2.5	1.9	22.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	91,305 (3.7)	0.0	6.9	6.0	37.4	16.6	17.4	1.1	1.0	0.9	0.0	7.6	12.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	168,485 (6.9)	0.2	16.4	10.0	27.3	7.7	11.4	1.5	1.3	0.6	-1.1	8.0	-7.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,595 (0.5)	21.0	16.0	15.8	15.8	8.6	8.4	1.4	1.3	-1.8	-3.7	0.3	-16.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,686 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-0.2	0.7	4.7	8.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	738,286 (30.3)	55.4	22.3	20.0	-3.2	9.1	8.8	2.1	2.0	-0.9	1.3	21.6	76.8
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	311,133 (12.8)	71.9	35.5	25.6	-4.0	7.9	10.8	2.8	2.7	-0.8	2.3	27.3	78.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	157,059 (6.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-0.2	2.3	19.9	46.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	527,084 (21.7)	27.2	18.3	18.0	36.3	9.3	9.3	1.7	1.6	-0.5	1.7	28.5	55.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	154,048 (6.3)	42.1	18.3	15.6	4.0	28.1	30.1	4.6	4.3	-1.5	-1.9	-0.9	-11.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	46,447 (1.9)	36.9	18.5	17.4	7.3	18.8	21.5	3.5	3.7	-1.8	7.6	14.6	-22.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	112,646 (4.6)	16.5	55.1	28.2	-51.9	3.9	11.7	3.2	2.9	-3.8	-4.4	4.0	-34.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	7,040 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.8	2.8	18.5	-4.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	97,155 (4.0)	11.0	126.6	29.2	-88.5	2.4	12.2	3.6	3.1	-4.5	-2.9	3.0	-6.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	76,066 (3.1)	10.8	11.0	18.9	-57.0	31.3	13.4	2.4	2.3	0.3	0.7	19.0	54.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	168,811 (6.9)	38.4	33.7	21.5	65.7	2.4	3.8	0.8	0.8	-0.9	0.9	21.9	31.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	426,064 (17.5)	37.7	30.4	25.6	-14.4	5.1	8.9	1.5	1.4	-1.8	-0.2	24.3	73.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	127,467 (5.2)	3.6	19.2	17.2	-52.4	3.9	4.0	0.6	0.6	0.2	1.0	22.5	151.3
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	18,882 (0.8)	0.0	9.6	8.1	-4.5	13.5	13.8	1.2	1.1	-0.9	-0.7	8.6	-8.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	39,541 (1.6)	46.1	15.3	15.8	-17.5	19.1	18.1	2.8	2.5	-1.7	-0.6	-0.1	-9.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	10,555 (0.4)	31.4	17.6	12.4	-10.5	9.0	14.6	1.6	1.6	-0.2	-2.0	6.2	-16.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	844 (0.0)	34.1	12.5	6.6	-5.1	7.4	13.1	-	-	2.2	6.9	11.6	10.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	649,380 (26.7)	18.0	24.1	12.3	21.9	6.2	10.9	1.5	1.4	-1.7	2.7	15.4	47.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	74,397 (3.1)	36.5	17.3	11.8	-0.5	6.7	9.2	1.0	1.0	1.1	1.4	16.0	-23.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	109,663 (4.5)	46.5	15.9	10.7	-4.5	10.5	15.8	1.3	1.4	1.4	2.4	18.5	20.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	279,610 (11.5)	38.9	19.0	15.1	67.9	6.6	8.7	1.2	1.1	-1.4	4.6	26.2	91.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	24,230 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.2	0.2	13.4	32.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	29,681 (1.2)	4.6	15.0	13.1	-51.0	12.9	12.8	1.7	1.7	-2.0	4.2	10.0	10.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	143,175 (5.9)	39.9	33.5	13.5	-11.9	4.4	7.8	1.0	1.0	-1.9	5.3	18.9	56.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	127,480 (5.2)	35.9	9.1	7.7	2.2	15.6	15.6	1.3	1.2	0.8	5.2	19.4	19.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	441,310 (18.1)	0.0	49.7	16.2	14.4	1.3	8.7	2.3	2.1	-0.8	3.2	2.1	-10.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	42,851 (1.8)	0.0	15.4	13.1	2.4	18.9	19.7	2.8	2.4	0.8	-0.4	11.8	-10.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	8,886 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.6	9.9	-3.7	92.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	43,334 (1.8)	30.3	203.0	41.8	-75.2	2.3	14.8	-	-	2.6	2.5	17.7	70.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	12,930 (0.5)	34.6	14.3	19.5	41.2	15.1	12.0	1.9	1.9	0.7	0.7	12.8	19.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,266 (0.1)	45.4	11.8	10.9	10.7	25.9	24.4	2.8	2.4	-0.1	0.7	3.7	22.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	196,289 (8.1)	0.0	18.5	15.0	15.5	28.1	29.6	4.8	4.1	0.2	1.2	10.7	37.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tienss@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.